

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 332/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-9-2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Thu Thủy.

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019, về tranh chấp: “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2019/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thái H, sinh năm 1996 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thái H trình bày:***

Về hôn nhân: Năm 2015, chị H với anh Nguyễn Minh Đ tổ chức lễ cưới, sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Trong thời gian sống chung chị H với anh Đ phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm. Chị H ly thân anh Đ từ tháng 10/2017. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị H với anh Đ có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 05/8/2017; cháu N đang sống chung với chị H. Nay chị H yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Chị H yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** *Tại phiên tòa, cũng như trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn anh Nguyễn Minh Đ vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản ghi ý kiến.***

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Cho chị H ly hôn anh Đ.

+ Về con chung: Giao Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 05/8/2017 cho chị H tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ giữa các bên là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cần được xem xét và giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Xét thấy anh Nguyễn Minh Đ đã được tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập dự phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử hợp lệ, đúng quy định của pháp luật, nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Tại phiên tòa, chị H yêu cầu ly hôn anh Đ. Hội đồng xét xử xét thấy: Vào năm 2015, chị H sống chung với anh Đ và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Do mâu thuẫn gia đình và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị H đã ly thân anh Đ từ tháng 10/2017 cho đến nay. Xét thấy, tình cảm giữa chị H với anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H yêu cầu ly hôn anh Đ là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh Đ vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử cho chị H ly hôn anh Đ.

[4] Về con chung: Chị H với anh Đ có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 05/8/2017; cháu N đang sống chung với chị H. Chị H yêu cầu được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Xét thấy cháu N sống chung trực tiếp với chị H từ khi được sinh ra và từ khi ly thân anh Đ cho đến nay; mặc khác cháu N hiện nay còn rất nhỏ (dưới 36 tháng tuổi). Cho nên, để ổn định về mặt đời sống, tinh thần của cháu N; chị H có điều kiện kinh tế để nuôi con. Nên giao cháu N cho chị H tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu N theo quy định pháp luật. Xét người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mức tiền cấp dưỡng nuôi con là do chị H và anh Đ tự thỏa thuận, nếu các bên không thỏa thuận được thì do Tòa án quyết định, nhưng không được thấp hơn $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định. Mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định hiện nay là 1.490.000đồng/tháng; như vậy $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu là 745.000 đồng. Do đó buộc anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định theo từng thời điểm; thời điểm hiện tại $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu là 745.000 đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét

[7] Về án phí: Chị H và anh Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[8] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thái H ly hôn anh Nguyễn Minh Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 05/8/2017 cho chị H tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc N mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định theo từng thời điểm, thời điểm hiện tại $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu là 745.000 đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng nuôi cháu N tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí:

+ Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị H đã nộp theo biên lai số 40407 ngày 15/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên chị H đã nộp xong án phí.

+ Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Đ vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu